

Số: 256/2022/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày

14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo số 356/BC-KTNS ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định trên, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết hiệu quả, đúng quy định; định kỳ tổng hợp báo cáo Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các xã sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Chương II

QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững trên địa bàn nông thôn tỉnh Thanh Hóa. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật và tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố.

3. Ưu tiên cho các xã, huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt dưới 15 tiêu chí.

4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững.

5. Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, các huyện, xã chủ động cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để duy trì đạt chuẩn, nâng cao chất lượng tiêu chí.

6. Đảm bảo công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Việc phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phải được lồng ghép với nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia khác, các chương trình, dự án khác để thực hiện các công trình, dự án có cùng mục tiêu, nội dung đầu tư trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp, tránh dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn.

Điều 3. Tiêu chí, hệ số phân bổ

1. Nguồn vốn năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022).

a) Các xã đặc biệt khó khăn (20 xã): Hệ số 4,0

b) Các xã đạt từ 15-18 tiêu chí (46 xã): Hệ số 1,3

c) Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (trừ 56 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu) (343 xã): Hệ số 1,0.

2. Nguồn vốn giai đoạn 2022 - 2025.

a) Đối với cấp xã (trừ 20 xã đặc biệt khó khăn, 56 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu):

- Các xã đạt dưới 15 tiêu chí (53 xã): Hệ số 5,0

- Các xã đạt từ 15-18 tiêu chí (46 xã): Hệ số 3,0

- Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (290 xã): Hệ số 1,0.

(Cơ sở tính số liệu xã: Số xã đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, không bao gồm các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí xã nông thôn mới đạt được tính đến ngày 31 tháng 12 năm

2021; số xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2022).

b) Đối với cấp huyện:

- Hỗ trợ 02 huyện miền núi là Cẩm Thủy và Như Thanh phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025: Hệ số 20.

c) Đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 250 tỷ đồng.

Điều 4. Định mức phân bổ

Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền thông báo; tiêu chí, hệ số phân bổ được quy định tại Điều 3, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cho xã, huyện, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm cho xã, huyện, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và điều kiện thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không phân bổ dàn trải, nhưng phải đảm bảo tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã, huyện trong cả giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng các nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí, hệ số phân bổ vốn được quy định tại Quy định này.

Chương III

QUY ĐỊNH TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Tổng vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Thanh Hóa phải đảm bảo theo quy định của Trung ương.

2. Bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của Nghị quyết này để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ngân sách tỉnh tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các huyện, xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới phấn đấu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các xã đặc biệt khó khăn, các xã mới đạt dưới 15 tiêu chí; ngân sách huyện, xã tập trung nguồn lực để xây dựng nông thôn

mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu nhằm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

4. Huyện nào không bố trí đủ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết này trong 02 năm liên tiếp sẽ không được xét thi đua khen thưởng trong thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 6. Quy định vốn đối ứng của ngân sách tỉnh

1. Căn cứ dự toán ngân sách tỉnh hằng năm, Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối, đảm bảo bố trí đủ nguồn vốn thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

2. Căn cứ dự toán ngân sách tỉnh hằng năm, Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn hỗ trợ cho các huyện, xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới để đối ứng với vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ như sau:

- *Hỗ trợ 20 xã đặc biệt khó khăn:*

+ Hỗ trợ xã Mường Chanh, huyện Mường Lát để đạt chuẩn nông thôn mới: 100 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ 03 xã đặc biệt khó khăn phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: 30 tỷ đồng/xã.

+ Hỗ trợ 16 xã đặc biệt khó khăn còn lại phân đầu đạt 15 tiêu chí trở lên: 20 tỷ đồng/xã.

- *Hỗ trợ 53 xã dưới 15 tiêu chí:*

+ Hỗ trợ 27 xã dưới 15 tiêu chí phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới: 15 tỷ đồng/xã.

+ Hỗ trợ 26 xã dưới 15 tiêu chí phân đầu đạt từ 15 tiêu chí trở lên: 10 tỷ đồng/xã.

- *Hỗ trợ 46 xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 05 tỷ đồng/xã.*

- *Hỗ trợ 02 huyện miền núi là Thạch Thành và Ngọc Lặc phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025: 37 tỷ đồng/huyện.*

4. Nguồn vốn thực hiện: Cân đối từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Thanh Hóa, từ nguồn tăng thu và các nguồn huy động hợp pháp khác về ngân sách tỉnh theo quy định.

5. Hằng năm, căn cứ kế hoạch vốn ngân sách tỉnh bố trí, trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và điều kiện thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho xã, huyện theo nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí, định mức phân bổ vốn được quy định tại Quy định này.

Điều 7. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách huyện, xã

1. Các huyện nghèo (tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025), gồm Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Bá Thước, Thường Xuân: Hằng năm, trên cơ sở khả năng ngân sách địa phương để cân đối bố trí thêm thực hiện Chương trình.

2. Huyện Như Xuân (huyện thoát nghèo giai đoạn 2016 - 2020): Hằng năm ngân sách địa phương đối ứng bằng tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Các huyện miền núi còn lại, gồm Như Thanh, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thạch Thành: Hằng năm ngân sách địa phương đối ứng bằng 1,5 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

4. Các huyện, thị xã, thành phố còn lại: Hằng năm ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu gấp 3 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Điều 8. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương:	1.920,5 tỷ đồng.
2. Ngân sách địa phương (<i>tỉnh, huyện, xã</i>):	4.226 tỷ đồng.
- Ngân sách tỉnh:	1.479 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện, xã:	2.747 tỷ đồng.
3. Vốn lồng ghép (<i>các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>):	2.680 tỷ đồng.
4. Vốn tín dụng:	6.000 tỷ đồng.
5. Vốn huy động từ cộng đồng:	5.000 tỷ đồng.

(*Quy đổi từ tiền mặt, ngày công và hiến đất, vật tư, vật liệu của Nhân dân*)